

SỞ GDĐT TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG THPT B DUY TIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76/TB-THPTBDT

Đồng Văn, ngày 28 tháng 4 năm 2026

## THÔNG BÁO

Công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm học 2026-2027

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin chung

- Tên trường: Trường THPT B Duy Tiên
- Địa chỉ: Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình
- Điện thoại: 0226.3582794
- Email: c3duytienb.hanam@moet.edu.vn
- Web: <https://thptbduytien.ninhbinh.edu.vn/>
- Loại hình trường: Công lập
- Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình
- Hiệu trưởng: Bùi Đức Thiện, điện thoại liên hệ: 0983438499
- Năm thành lập: 1973
- Tổng số lớp: 29 lớp (Khối 10: 10; Khối 11: 10; Khối 12: 9)
- Tổng số học sinh: 1177 (Nữ: 640)
- Diện tích khuôn viên: 29.367 m<sup>2</sup>
- Tổng số học sinh toàn trường năm học 2026-2027 (dự kiến)

Lớp	Số lớp	Số học sinh
Khối 10	10	440
Khối 11	10	417
Khối 12	9	391
<b>Tổng số</b>	<b>29</b>	<b>1248</b>

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Môn	Tổng số	Đại học		Thạc sĩ	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
<b>I. Cán bộ quản lý</b>	03	01	33,3	02	66,7
<b>Cộng</b>	<b>03</b>	<b>01</b>	<b>33,3</b>	<b>02</b>	<b>66,7</b>
<b>II. Giáo viên</b>					
Toán học	08	06	75	02	25
Ngữ văn	08	07	87,5	01	12,5
Tiếng Anh	05	05	100	0	0
Vật lý	05	04	80	01	20
Hóa học	05	02	40	03	60
Sinh học	03	02	66,7	01	33,3
Lịch sử	04	04	100	0	0
Địa lý	04	03	75	01	25
GDKT&PL	02	02	100	0	0
Công nghệ	04	04	100	0	0
Giáo dục Thể chất	04	04	100	0	0
GDQP-AN	01	01	100	0	0
Tin học	03	03	100	0	0
<b>Cộng</b>	<b>56</b>	<b>47</b>	<b>83,9</b>	<b>9</b>	<b>16,1</b>
<b>Cộng (I +II)</b>	<b>59</b>	<b>48</b>	<b>81,4</b>	<b>11</b>	<b>18,6</b>
<b>II. Nhân viên</b>	<b>08</b>	Đại học 02 (25%), Trung cấp 02 (25%)			
<b>Tổng cộng</b>	<b>67 người</b>				

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng học</b>	28	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	28	1,3m <sup>2</sup> /HS
1	Phòng học kiên cố	28	1,3m <sup>2</sup> /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	0

3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	7	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42,07	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	29.367m <sup>2</sup>	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	12.000 m <sup>2</sup>	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1512m <sup>2</sup>	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	735 m <sup>2</sup>	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	125 m <sup>2</sup>	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	561m <sup>2</sup>	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m<sup>2</sup>)</i>	75 m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	1	
1.2	Khối lớp 11	1	
1.3	Khối lớp 12	1	

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	1	
2.2	Khối lớp 11	1	
2.3	Khối lớp 12	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	70	
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	28	1
2	Cát xét	15	0,53
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Thiết bị khác...	0	0

<b>XI V</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		3/3	0	0,06 m <sup>2</sup> / 1HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

	<b>Nội dung</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>
<b>XV</b>	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
<b>XVI</b>	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

<b>XVII</b>	Kết nối internet	x	
<b>XVIII</b>	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
<b>XIX</b>	Tường rào xây	x	

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

- Tên tổ chức cơ sở kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT: Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Chu kỳ kiểm định là 5 năm.

- Mức độ đạt kiểm định: Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và được công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia mức độ I theo Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam

- Thời gian hiệu lực: 05 năm, từ ngày 27/10/2023

***Nơi nhận:***

- Bảng tin đơn vị;
- Đăng website đơn vị;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Đức Thiện**